TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **139**/2021/HC-PT
Ngày: 24-3-2021
V/v: "Yêu cầu hủy quyết định hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Long**
Bà **Lê Thúy Cầu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*: Ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 10/2020/TLPT-HC ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc*:"Yêu cầu hủy quyết định hành chính"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 742/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện*:** Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm: 1976; địa chỉ: số 262 đường K, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Lý H, trú tại số 133 đường H, quận H1, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thành Đ, luật sư Công ty luật TNHH 2TV S, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: 574/11 đường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* ***Người bị kiện***: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số 486 đường L, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức V, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: số 486 đường L, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức V, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Đường H3, phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Đăng T1 - Chức vụ: Cán bộ Địa chính - Xây dựng UBND phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: số 47 đường A, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Phạm Lý H trình bày:

Sau ngày giải phóng ông Đoàn S1 là cha ông Đoàn Văn Đ đã kê khai theo Chỉ thị 299/TTg diện tích 2472,6m^2 tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 10 thuộc huyện H4, thành phố Đà Nẵng nay là phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Ông Đoàn Văn Đ thừa hưởng diện tích đất này và quản lý sử dụng nhưng vào năm 1995 ông Đ chỉ được UBND huyện H4, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 395m^2 đất ở, phần diện tích đất hơn 2000m^2 còn lại ông Đ vẫn quản lý, sử dụng nhưng không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2004, bà P cùng các ông Nguyễn Văn Đ1, ông Trần Quang V1, ông Phùng Đình L1 có nhận chuyển nhượng của ông Đ một mảnh đất có diện tích 750m^2 tại tổ 28, phường H2 để làm nhà ở, bà P đã xây dựng nhà trên đất đó để ở. Trong quá trình làm thủ tục chuyển nhượng đã xảy ra tranh chấp do giá đất biến động, ông Đ đã yêu cầu người mua phải trả thêm tiền thì mới thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau nhiều lần thương lượng nhưng không có kết quả, nên vào năm 2010, bà P và các ông Đ1, V1 và L1 đã khiếu nại ra UBND phường H2 nhưng vẫn không giải quyết được, sau đó bà P khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận N1. Qua quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, các bên đương sự đi đến thống nhất bên mua sẽ trả thêm cho ông Đ số tiền 100.000.000 đồng và trả lại cho ông Đ 150m^2 đất và các bên thống nhất hòa giải trên cơ sở đó. Tòa án nhân dân quận N1 ra Quyết định số 218/QĐST-DS ngày 30/12/2011 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cho bà P được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất 150m^2, bà P đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án. Theo quy định tại khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 100 Luật đất đai năm 2013 nhà và đất của bà P có đầy đủ cơ sở pháp lý đối với người sử dụng đất. Vì vậy khi Nhà nước tiến hành thu hồi thực hiện giải tỏa phải đảm bảo quyền và lợi ích của người sử dụng đất, Nhà và

đất của bà P nằm trong diện giải tỏa thuộc dự án FPT, quận N1 và được Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm định nhà và đất. Ban giải tỏa đền bù không giao quyết thu hồi đất cho bà P. Sau thời gian chờ đợi, bà P đến Ban giải tỏa đền bù số 1 yêu cầu cho xem quyết định thu hồi đất, xin nhận bản kiểm định và tính giá trị đền bù, nhưng chỉ giao cho bà P Thông báo số 377/TB-BGTĐB ngày 19/7/2012 nội dung hỗ trợ 100% vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 36 năm 2009 của UBND thành phố Đà Nẵng, còn quyết định thu hồi đất thì lại giao cho ông Đ. Việc UBND quận Ngũ Hành Sơn có quyết định thu hồi đất của bà Phượng nhưng đứng tên ông Đ và giao cho ông Đ mà không có quyết định thu hồi đất đứng tên riêng bà P là không đúng với quy định của pháp luật, cụ thể là Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 100 Luật đất đai năm 2013 như đã nói ở trên. Sau đó, bà P làm đơn khiếu nại buộc Chủ tịch UBND quận N1 giải quyết xem xét có quyết định thu hồi đất đứng tên ông Đoàn Văn Đ và giải quyết quyền lợi về đền bù, hỗ trợ tái định cư cho bà P theo đúng quy định của pháp luật khi thu hồi đất, tuy nhiên Chủ tịch UBND quận N1 không chấp nhận khiếu nại.

Nay bà Trần Thị Mỹ P yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 5990/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị Mỹ P và hủy Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Theo Văn bản số 1935/UBND-VP ngày 05/9/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng trình bày:

Diện tích đất của bà Trần Thị Mỹ P yêu cầu ban hành Quyết định thu hồi đất có nguồn gốc như sau: Thực hiện kê khai đăng ký, sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg, hộ ông Đoàn S1 (cha ông Đoàn Văn Đ) kê khai và sử dụng thửa đất số 199, tờ bản đồ số 10 với diện tích 520,0m^2 đất thổ cư. Thực hiện theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về kê khai, quản lý đất đai trên toàn quốc, ông hộ Đoàn Văn Đ được UBND huyện H4 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0980 ngày 24/4/1995 tại tờ bản đồ số 18 thửa đất 26 với diện tích 395m^2 đất thổ cư. Trong quá trình sử dụng, ông Đ có khai phá thêm phần diện tích 2077,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 18 đất hoang do UBND phường H2 quản lý. Khi tiến hành đo đạc, Trung tâm đo đạc bản đồ xác lập diện tích của ông Đ bao gồm 2 thửa đất trên.

Vào ngày 30/10/2008, UBND quận N1 đã ban hành Quyết định số 4343/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.472,6m^2 đất của hộ ông Đoàn Văn Đ đang sử

dụng, giao cho Công ty Quản lý và khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND tp. Đà Nẵng. Quyết định thu hồi đất của UBND quận N1 là hoàn toàn phù hợp với ranh giới sử dụng theo hiện trạng, không có tranh chấp của hộ ông Đoàn Văn Đ với các hộ khác tại thời điểm ban hành quyết định.

Ngày 30/12/2011, TAND quận N1 ban hành Quyết định số 218/2011/QĐST-DS về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với phần diện tích đất 670m^2/2.472,6m^2 đất của hộ ông Đoàn Văn Đ đã được UBND quận ban hành Quyết định thu hồi đất số 4343/QĐ-LBND ngày 30/10/2008 và kèm theo sơ đồ ranh giới thửa đất, theo đó:

Hộ ông Nguyễn Văn Đ1 và ông Phùng Đình L1 được quản lý, sử dụng một móng nhà có diện tích 19,9m^2 tọa lạc trên diện tích đất là 219,5 m^2 nằm trong thửa đất số 21, tờ bản đồ hiện trạng số 232.

Hộ ông Trần Quang V1 được quản lý, sử dụng một móng nhà có diện tích 20,0 m^2 tọa lạc trên diện tích đất là 150,4 m^2 nằm trong thửa đất số 21, tờ bản đồ hiện trạng số 232.

Hộ bà Đoàn Thị Nhàn được quản lý, sử dụng một móng nhà có diện tích 20,1 m^2 tọa lạc trên diện tích đất là 350,1m^2 nằm trong thửa đất số 21, tờ bản đồ hiện trạng số 232.

Hộ bà Trần Thị Mỹ P được quản lý, sử dụng một móng nhà có diện tích 24,2 m^2 tọa lạc trện diện tích đất là 150,0 m^2 nằm trong thửa đất số 21, tờ bản đồ hiện trạng số 232.

Theo quy dịnh tại khoản 5 Điều 4 và Điều 106, 107 Luật Đất đai năm 2003 và tại điểm đ, khoản 1 Chỉ thị số 03/2010/CT-BTNMT ngày 01/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai có quy định: "*Không được thực hiện các giao dịch về quyền sử dụng đất đối với các khu vực nằm trong quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt mà có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*".

Việc ban Hành quyết định thu hồi đất của UBND quận đối với hộ ông Đoàn Văn Đ là đúng quy định dựa trên cơ sở pháp lý:

Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 12/01/2008 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, về việc phê duyệt sơ đồ ranh giới sử dụng đất dự án Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng

Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 04/3/2008 của UBND thành phố Đà Nẵng thu hồi đất, giao đất cho Công ty quản lý và khai thác đất Đà Nẵng để quản lý thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố.

Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Trung tâm đo đạc bản đồ xác lập tiến hành đo đạc vào ngày 19/5/2008, có chữ ký xác nhận của ông Đoàn Văn Đ, Trung tâm đo đạc bản đồ xác lập và UBND phường H2.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 5990/QĐ-UBND ngày 10/l0/2018 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị Mỹ P là không có cơ sở. Việc ban hành quyết định số 5990 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc cưỡng chế thu hồi đất là không có cơ sở. Việc ban hành Quyết định số 2574 là đúng quy định pháp luật về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường H2, quận N1 do ông Huỳnh Đăng Tài đại diện theo ủy quyền, tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

UBND phường H2 thống nhất với quan điểm của Chủ tịch UBND và UBND quận N1 trình bày tại phiên tòa hôm nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn Đ tại phiên tòa hôm nay trình bày:

Sau khi tôi chuyển nhượng đất cho 4 người trong đó có bà Trần Thị Mỹ P thì hiện nay tôi không, còn liên quan gì đến mảnh đất đó nữa, việc bà P khởi kiện hay tranh chấp với ai trên mảnh đất này là quyền của bà P. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trên thửa đất này của tôi chỉ có diện tích là 395m^2 là được ghi nhận trong giấy chứng nhận diện tích còn lại ông Đ vẫn quản lý, sử dụng nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên tôi đã chuyển nhượng cho người khác, tôi không còn liên quan nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 12/2020/HC-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định*:**

Căn cứ các Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206, Điều 213, Điều 305 và Điều 307 của Luật tố tụng Hành chính. Căn cứ Điều 100 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miền, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ P đối với Chủ tịch UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính trái pháp luật.

Tuyên xử: Hủy Quyết định số 5990/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ

tịch UBND quận N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị Mỹ P và hủy một phần Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với phần diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất của bà Trần Thị Mỹ P (hồ sơ đền bù giải tỏa số 1406/3) đã được công nhận theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 218/2011/QĐST-DS ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu cho phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/7/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Quyết định cưỡng chế số 2574/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND quận N1; không chấp nhận hủy Quyết định số 5990/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị Mỹ P.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; người bị kiện không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện; các đương sự không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung và căn cứ của việc kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Quyết định cưỡng chế số 2574/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND quận N1, không chấp nhận hủy Quyết định số 5990/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị Mỹ P thì thấy:

[1.1]. Diện tích đất mà bà Trần Thị Mỹ P yêu cầu ban hành Quyết định

thu hồi đất là do ông Đoàn Văn Đ thỏa thuận chuyển nhượng phần diện tích đất 750m^2 nằm trong thửa đất số 21, tờ bản đồ số 232, có diện tích 2.472,6m^2 tại tổ 28, phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng cho bà Trần Thị Mỹ P, bà Đoàn Thị Nhàn, ông Nguyễn Văn Đ1, ông Trần Quang V1 và ông Phùng Đình L1 với số tiền 350.000.000 đồng và mỗi người được nhận chuyển nhượng 150m^2 đất.

[1.2]. Do ông Đ không thực hiện đúng thỏa thuận, nên bà P có khiếu nại đến UBND phường H2. Ngày 16 tháng 11 năm 2011, UBND phường H2 đã tiến hành hòa giải việc tranh chấp này nhưng không thành và lập Biên bản làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp trên xem xét giải quyết, tại Biên bản này UBND phường H2 lại xác định vị trí thửa đất đang tranh chấp theo bản đồ hiện trạng thuộc thửa đất 21, tờ bản đồ 232, diện tích 2472,6m^2 đất nhà ở do ông Đoàn Văn Đ đứng tên. Do việc hòa giải tại UBND phường H2 không thành nên bà P đã khởi kiện ra Tòa án quận N1. Quá trình giải quyết vụ án dân sự này, Tòa án nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 218/2011/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2011 về việc công nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị Mỹ P, ông Đoàn Văn Đ và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan, Quyết định này đã có hiệu lực thi hành.

[1.3]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật tố tụng hành chính: "*Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*". Điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự quy định: "*Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*" là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Bản án sơ thẩm nhận định: "*Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 218/2011/QĐST-DS ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật và theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, thì hộ bà Trần Thị Mỹ P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc Chủ tịch UBND quận N1 không ban hành quyết định thu hồi đất đối với phần diện tích đất mà bà Trần Thị Mỹ P đã được công nhận theo Quyết định số 218/2011/QĐST-DS ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng và việc ban hành Quyết định số 5990/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị Mỹ P; Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Đoàn Văn Đ tại thửa đất số 21, tờ bản đồ 232, thuộc phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng, trong đó có phần diện tích đất 150,0 m^2 và tài sản trên đất của bà Trần Thị Mỹ P (hồ sơ đền bù giải tỏa số 1406/3) là không đúng với quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích của người sử dụng đất* " để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ P, hủy Quyết định số 5990/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị Mỹ P và hủy một phần Quyết định số

2574/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với phần diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất của bà Trần Thị Mỹ P (hồ sơ đền bù giải tỏa số 1406/3) là có căn cứ, đúng với quy định tại: khoản 1 Điều 23 Luật tố tụng hành chính; điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự đã được viện dẫn ở trên và cũng đúng với quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

[2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng kháng cáo yêu cầu được xem xét lại Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[3]. Do bị bác đơn kháng cáo nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-BTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 23 Luật tố tụng hành chính; Điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ P đối với Chủ tịch UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính trái pháp luật.

Hủy Quyết định số 5990/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị Mỹ P và hủy một phần Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND quận N1 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với phần diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất của bà Trần Thị Mỹ P (hồ sơ đền bù giải tỏa số 1406/3) đã được công nhận theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 218/2011/QĐST-DS ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002678 ngày 14/9/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính

sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến